

DANH SÁCH NHẬN QUÀ CHỦ TỊCH NƯỚC NHÂN NGÀY THƯƠNG BINH LIỆT SĨ (27/7/1947-27/7/2026)

(Kèm theo Quyết định số: 541/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 của Chủ tịch UBND xã Sơn Kỳ)

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Suất quà	Ký nhận	Tên người nhận	Ghi chú
I	Mức quà 600.000				600.000			
1	Đinh Văn Vân	Di Hoăng, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 81% trở lên	32882	600.000			
II	Mức quà 300.000				99.000.000			
2	Đinh Thị Bênh	Bồ Nung, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	127161	300.000			
3	Đinh Thị Dân	Bồ Nung, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	135518	300.000			
4	Đinh Văn Dờ	Gò Da, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	81387	300.000			
5	Đinh Văn Đang	Mò O, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	143170	300.000			
6	Đinh Văn Điền (Vêu)	Mò O, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	135464	300.000			
7	Đinh Văn Hồ	Làng Trắng, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	137346	300.000			
8	Đinh Văn Huân	Làng Già, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	139243	300.000			
9	Đinh Văn Huệ	Làng Rê, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	26138	300.000			
10	Trương Đức Hùng	Làng Rút, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	135281	300.000			
11	Đinh Thị KỀ	Mò O, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	136651	300.000			
12	Đinh Văn Lang	Mò O, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	127141	300.000			
13	Đinh Văn Lành	Làng Rút,Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	272	300.000			
14	Đinh Văn Lếch	Kà Khu, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	143167	300.000			

15	Đinh Văn Lem	Làng Rút, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	63452	300.000			
16	Đinh Văn Lêm	Lang Già, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	63459	300.000			
17	Đinh Bờ Lênh	Lang Già, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	81394	300.000			
18	Đinh Va Lo	Bồ Nung, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	274	300.000			
19	Đinh Thị Lối	Làng Ranh, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	143186	300.000			
20	Đinh Văn Luông (lương)	Làng Già, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	65813	300.000			
21	Đinh Văn Mao	Làng Trắng, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	262	300.000			
22	Đinh Văn Mít	Làng Ranh, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	139278	300.000			
23	Đinh Văn Nà	Làng Già, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	135472	300.000			
24	Đinh Văn Nát	Làng Già, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	143172	300.000			
25	Đinh Văn Nên	Làng Già, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	139236	300.000			
26	Đinh Văn Quýt	Làng Rê, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	30677	300.000			
27	Đinh Thị Hà Rân	Làng Già, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	139235	300.000			
28	Đinh Thị Răng	Làng Ranh, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	135462	300.000			
29	Đinh Văn Rê	Mò O, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	135468	300.000			
30	Đinh Van Ri	Làng Trắng, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	143131	300.000			
31	Đinh Thị Rin	Bồ Nung, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	127120	300.000			
32	Đinh Thị Ba Ron	Làng Già, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	143165	300.000			
33	Đinh Thị Rom	Làng Già, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	143163	300.000			
34	Đinh Văn Sắc	Làng Ranh, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	143171	300.000			
35	Dương Ngọc Sơn	Làng Riêng, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	140929	300.000			
36	Đinh Thị Ta	Làng Già, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	135470	300.000			

37	Đinh Thị TỂ	Làng Bung, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	140928	300.000			
38	Đinh Văn Tong	Làng Ranh, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	143166	300.000			
39	Đinh Văn Tốt	Làng Riêng, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	127274	300.000			
40	Nguyễn Thanh Tùng	Bồ Nung, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	28940	300.000			
41	Trần Đình Thành	Bồ Nung, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	271	300.000			
42	Đinh Văn Thăm	Nước Lác, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	143164	300.000			
43	Trần Thị Thi	Làng Rút, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	115551	300.000			
44	Đinh Thị Trái	Làng Ranh, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	142095	300.000			
45	Đinh Thị Trấp	Bồ Nung, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	135520	300.000			
46	Đinh Văn Triêng	Bồ Nung, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	143182	300.000			
47	Đinh Thị Trôi	Làng Già, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	143184	300.000			
48	Lý T Hồng Vân	Bồ Nung, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	28913	300.000			
49	Đinh Văn Vọt	Làng Rút, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	63571	300.000			
50	Trương Thị Xanh	Làng Rút, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	132203	300.000			
51	Đinh Thành Lợi	Làng Bung, Sơn Kỳ	TB suy giảm KNLD từ 61-80%	1222QN/BB	300.000			
52	Đinh Pa Đeu	Mò O, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	676	300.000			
53	Đinh Văn Hôm	Di Hoăng, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	1062	300.000			
54	Đinh A Mót	Tà Gầm, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	1121	300.000			
55	Đinh K Ná	Bồ Nung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	188	300.000			
56	Đinh Văn Nanh	Di Hoăng, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	1003	300.000			
57	Đinh Hà Nậy	Di Hoăng, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	516	300.000			
58	Đinh Văn Nậy	Di Hoăng, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	731	300.000			

59	Đinh Văn Noát	Làng Ranh, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	542	300.000			
60	Đinh Văn Nghè	Di Hoảng, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	724	300.000			
61	Đinh Văn Pên	Làng Riêng, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	874	300.000			
62	Đinh Văn Phệnh	Làng Già, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	326	300.000			
63	Đinh Pa Rêu	Tà Gầm, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	898	300.000			
64	Đinh Văn Pa Ría	Nước Lác, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	682	300.000			
65	Đinh Văn Sắt	Làng Ranh, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	1101	300.000			
66	Đinh Thị Tiêm	Kà Khu, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	904	300.000			
67	Đinh Văn Tín	Làng Già, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	197	300.000			
68	Đinh Văn Thiên	Mò O, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	434	300.000			
69	Đinh Văn Tróa	Kà Khu, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	949	300.000			
70	Đinh Thị Giúp	Làng Già, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	520	300.000			
71	Đinh Văn Lễ	Làng Rút, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	1250	300.000			
72	Đinh Văn Lê	Bồ Nung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	900	300.000			
73	Đinh Văn Oang	Di Hoảng, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	1044	300.000			
74	Đinh Văn Trời	Làng Bung,, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	1221	300.000			
75	Đinh Văn Với	Mò O, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 51-60%	305	300.000			
76	Định Văn Ấ	Kà Khu, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1475	300.000			
77	Đinh Văn Bài	Tà Gầm, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1292	300.000			
78	Đinh Thị Bảo	Làng Già, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	70387	300.000			
79	Đinh Văn Bía	Gò Da, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1444	300.000			
80	Đinh Văn Bóp	Nước Lác, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	74963	300.000			

81	Đinh Văn Cầu	Nước Lác, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	715	300.000			
82	Đinh Thị Cơ	Làng Riêng, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	74840	300.000			
83	Đinh Ra Dế	Tà Gầm, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	73193D	300.000			
84	Đinh Văn Diệt	Bồ Nung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1530	300.000			
85	Đinh Thị Dỗ	Mô Níc, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	74989	300.000			
86	Đinh Văn Đỗ	Bồ Nung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	73137D	300.000			
87	Đinh Văn Dúp	Làng Bung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1158	300.000			
88	Đinh Văn Đây	Nước Lác, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	67506	300.000			
89	Đinh Văn Đuổi	Tà Gầm, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1518	300.000			
90	Đinh Văn Được	Bồ Nung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1225	300.000			
91	Đinh Văn Ê	Mò O, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1091	300.000			
92	Đinh Văn Ê	Làng Ranh, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	70338	300.000			
93	Đinh Văn Hàng	Nước Lác, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	74918	300.000			
94	Đinh Văn Hoa	Làng Riêng, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	70335	300.000			
95	Đinh Văn Hôn	Làng Riêng, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1232	300.000			
96	Đinh Văn Huát	Làng Rê, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	73156H	300.000			
97	Đinh Văn Huê	Làng Rê, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1504	300.000			
98	Đinh Văn Huý	Làng Ranh, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	70362	300.000			
99	Đinh Văn Ia	Làng Rút, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1231	300.000			
100	Đinh Văn Kíp	Mô Níc, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	73131	300.000			
101	Đinh K Kơau	Nước Lác, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%		300.000			
102	Đinh Văn Kho	Mò O, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1440	300.000			

103	Đinh Văn Lạc	Mò O, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	3410	300.000			
104	Đinh Xuân Lâu	Làng Rút, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	73179L	300.000			
105	Đinh Văn Lễ	Tà Gài, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1093	300.000			
106	Đinh Văn Lèo	Làng Bung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	70358	300.000			
107	Đinh Văn Liết	Làng Già, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1509	300.000			
108	Đinh Văn Liễu	Tà Gài, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	613	300.000			
109	Đinh Văn Liệu	Làng Bung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1468	300.000			
110	Đinh Văn Va Liễu	Tà Gài, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1124	300.000			
111	Đinh Thị Linh	Làng Già, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	3321	300.000			
112	Đinh Văn Lít	Làng Ranh, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1420	300.000			
113	Đinh Văn Lót	Làng Ranh, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1490	300.000			
114	Đinh Văn Lửa	Lang Bung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	70379	300.000			
115	Đinh Văn Mậu	Gò Da, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1088	300.000			
116	Đinh Văn Minh	Làng Rút, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1397	300.000			
117	Đinh Văn Mục	Tà Gài, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1134	300.000			
118	Đinh Thị Mười	Nước Lác, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	71763	300.000			
119	Đinh Thị Mướt	Làng Ranh, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1329	300.000			
120	Đinh Thị Ná	Bồ Nung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1396	300.000			
121	Đinh Thị Nấp	Làng Riêng, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1210	300.000			
122	Đinh Văn Nay	Kà Khu, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1159	300.000			
123	Đinh Văn Năm	Di Hoảng, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	70522	300.000			
124	Đinh Văn Nia	Bồ Nung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1227	300.000			

125	Đinh Thị Nỏ	Làng Già, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	70367	300.000			
126	Đinh Văn Nghéo	Di Hoảng, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	70353	300.000			
127	Đinh Văn Ngọt	Kà Khu, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	70376	300.000			
128	Đinh Văn Ngụy	Bồ Nung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1090	300.000			
129	Đinh Văn Ôn	Làng Trắng, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	74950	300.000			
130	Đinh Thị PaRanh	Làng Rút, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	3326	300.000			
131	Đinh Văn Phận	Mò O, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1406	300.000			
132	Đinh Văn Qua	Nước Lác, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1164	300.000			
133	Đinh Văn Quên	Gò Da, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1480	300.000			
134	Đinh Thị K Rắc	Nước Lác, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	616	300.000			
135	Đinh Văn Rách	Mò O, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1401	300.000			
136	Đinh Pa Ranh	Tà Gầm, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	73196R	300.000			
137	Đinh Văn Ray	Mò O, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	671	300.000			
138	Đinh Văn Rân	Làng Rê, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1199	300.000			
139	Đinh Pồ Râng	Nước Lác, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1326	300.000			
140	Đinh Thị Râu	Kà khu, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	73098R	300.000			
141	Đinh Văn Răng	Tà Gầm, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	73182R	300.000			
142	Đinh Hà Rê	Mô Níc, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	67507	300.000			
143	Đinh Ka Riều	Nước Lác, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1304	300.000			
144	Đinh Ka Riều	Bồ Nung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	67505	300.000			
145	Đinh Văn Pờ Riêng	Tà Gầm, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	699	300.000			
146	Đinh Pơ Rinh	Làng Rê, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	73164R	300.000			

147	Đinh Thị Pa Rô	Làng Già, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	70355	300.000			
148	Đinh Thị K Rù	Mô Níc, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	73079R	300.000			
149	Đinh Thị Rũa	Làng Ranh, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	74957	300.000			
150	Đinh Tấn Sơn	Làng Riêng, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	3296	300.000			
151	Đinh Thị A Tác	Làng Già, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	70377	300.000			
152	Đinh Văn Tinh	Bồ Nung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	701	300.000			
153	Đinh Văn Tỏ	Mò O, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1399	300.000			
154	Đinh Văn Tốt	Bồ Nung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1217	300.000			
155	Đinh Văn Tơ	Bồ Nung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%		300.000			
156	Đinh Văn Thâm	Bồ Nung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	74823	300.000			
157	Đinh Văn Thiên	Bồ Nung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	682	300.000			
158	Đinh Văn Thư	Bồ Nung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	74852	300.000			
159	Đinh Thị Trâm	Làng Rút, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%		300.000			
160	Đinh Văn Trâu	Kà Khu, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	70373	300.000			
161	Đinh Thị Tre	Làng Trắng, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1322	300.000			
162	Đinh Văn Trê	Làng Ranh, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	70370	300.000			
163	Đinh Văn Triều	Làng Trắng, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1229	300.000			
164	Đinh Văn Triêm	Kà Khu, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1320	300.000			
165	Đinh Văn Troan	Mô Níc, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	73158T	300.000			
166	Đinh Văn Trung	Tà Gầm, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	67508	300.000			
167	Đinh Thị Trương	Làng Bung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1191	300.000			
168	Đinh Thị Trương	Kà Khu, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	7321T	300.000			

169	Đinh Văn Ứa	Làng Bung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	70356	300.000			
170	Đinh Văn Viên	Làng Bung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1410	300.000			
171	Đinh Văn Yếu	Bồ Nung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1463	300.000			
172	Đinh Văn Lo	Bồ Nung, Sơn Kỳ	BB suy giảm KNLD từ 61-70%	1498	300.000			
173	Đinh Thị Hội	Làng Riêng, Sơn Kỳ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLD từ 41% - 60%	270QN/HH	300.000			
174	Đinh Văn Huy	Mô Níc, Sơn Kỳ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLD từ 41% - 60%	266QN/HH	300.000			
175	Đinh Thị Kê	Làng Riêng, Sơn Kỳ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLD từ 41% - 60%	649	300.000			
176	Đinh Thị Ngá	Làng Rút, Sơn Kỳ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLD từ 41% - 60%	32	300.000			
177	Đinh Văn Nhất	Làng Rê, Sơn Kỳ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLD từ 41% - 60%	267QN/HH	300.000			
178	Đinh Thị Tru	Làng Rút, Sơn Kỳ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLD từ 41% - 60%	31	300.000			
179	Đinh Thị Bảo	Thôn Làng Già	Đại diện thân nhân liệt sĩ	3999	300.000			
180	Đinh Thị Bơm	Thôn Bồ Nung	Đại diện thân nhân liệt sĩ	6253	300.000			
181	Đinh Thị Hoang	Thôn Làng Riêng	Đại diện thân nhân liệt sĩ	14325	300.000			
182	Đinh Thị Hong	Thôn Làng Rê	Đại diện thân nhân liệt sĩ	6251	300.000			
183	Đinh Thị Huách	Thôn Di Hoảng	Đại diện thân nhân liệt sĩ	6301	300.000			
184	Đinh Thị Léo	Thôn Làng Ranh	Đại diện thân nhân liệt sĩ	4977	300.000			
185	Đinh Thị Ba Liết	Thôn Kà khu	Đại diện thân nhân liệt sĩ	4979	300.000			
186	Đinh Thị Mịch	Thôn Mò O	Đại diện thân nhân liệt sĩ	3956	300.000			
187	Đinh Thị Mềm	Thôn Làng Rút	Đại diện thân nhân liệt sĩ	3672	300.000			
188	Đinh Thị Mía	Thôn Làng Riêng	Đại diện thân nhân liệt sĩ	6711	300.000			
189	Đinh Thị Mù	Thôn Mò O	Đại diện thân nhân liệt sĩ	692	300.000			
190	Đinh Thị Nay	Thôn Nước Lác	Đại diện thân nhân liệt sĩ	34275	300.000			

191	Đinh Thị Phái	Thôn Nước Lác	Đại diện thân nhân liệt sĩ	1493	300.000			
192	Đinh Thị Phôi	Thôn Làng Trắng	Đại diện thân nhân liệt sĩ	3666	300.000			
193	Đinh Thị Rã	Thôn Làng Già	Đại diện thân nhân liệt sĩ	26463	300.000			
194	Đinh Thị Reng	Thôn Làng Rê	Đại diện thân nhân liệt sĩ	3671	300.000			
195	Đinh Thị Rin	Thôn Bò Nung	Đại diện thân nhân liệt sĩ	6288	300.000			
196	Đinh Thị Roa	Thôn Làng Già	Đại diện thân nhân liệt sĩ	3960	300.000			
197	Đinh Thị Sừ	Thôn Tà Gầm	Đại diện thân nhân liệt sĩ	1276	300.000			
198	Đinh Thị Tể	Thôn Tà Gầm	Đại diện thân nhân liệt sĩ	40865	300.000			
199	Đinh Thị Trắng	Thôn Bò Nung	Đại diện thân nhân liệt sĩ	6318	300.000			
200	Đinh Thị Trương	Thôn Kà khu	Đại diện thân nhân liệt sĩ	57199	300.000			
201	Đinh Văn Dór	Gò Da, Sơn Ba	Thờ cúng liệt sĩ (đại diện thân nhân duy nhất LS)	55248	300.000			
202	Lê Xuân Phê	Làng Riêng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	4G-877	300.000			
203	Đinh Thị Túp	Làng Riêng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	1S845K/CL	300.000			
204	Đinh Thị Rêu	Làng Riêng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	7E933B/CL	300.000			
205	Đinh Thị Tre	Làng Riêng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	6H903B/CL	300.000			
206	Đinh Thị Kê	Làng Riêng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	1T229K/CL	300.000			
207	Đinh Thị Dỗ	Làng Riêng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	ĐR253KM	300.000			
208	Đinh Văn Thê	Làng Riêng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	EZ675CM	300.000			
209	Đinh Văn Phổ	Làng Riêng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	2Z409K/CL	300.000			
210	Đinh Hồng Nhênh	Làng Riêng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	DY257CM	300.000			
211	Đinh Văn xong	Mô Níc, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	1T700CM/C L	300.000			
212	Đinh Văn Tơ	Làng Riêng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	1T-233K	300.000			

213	Đinh Thị TRít	Làng Riềng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	EZ677CM	300.000			
214	Đinh Thị Túp	Làng Riềng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	HB893KM	300.000			
215	Trần Đình Nghị	Bồ Nung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	7K264B/CL	300.000			
216	Đinh Văn Sít	Bồ Nung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	6H900BM/C L	300.000			
217	Đinh Thị Bác	Bồ Nung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	378/QĐ- TTga	300.000			
218	Đinh Văn Thom	Bồ Nung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	EL308CM	300.000			
219	Đinh Thị Phứi	Bồ Nung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	6H759B/CL	300.000			
220	Đinh văn Mung	Bồ Nung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	EB327KM	300.000			
221	Đinh Thị Phầy	Bồ Nung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	7E749B/CL	300.000			
222	Đinh Văn Banh	Bồ Nung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	6H912B/CL	300.000			
223	Đinh Ka La	Bồ Nung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	GV795CM	300.000			
224	Đinh Văn Khồ	Bồ Nung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	EL327CM	300.000			
225	Đinh văn Răm	Bồ Nung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	GV784CM	300.000			
226	Đinh văn Đốt	Bồ Nung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	HB909CM	300.000			
227	Đinh Thị Lui	Bồ Nung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	GZ800KM	300.000			
228	Đinh Thị và Rối	Tà Gầm, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	EL181KM	300.000			
229	Đinh Văn Toàn	Tà Gầm, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	6/023b/CL	300.000			
230	Đinh Thị Tót	Tà Gầm, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	6H871B/CL	300.000			
231	Đinh văn Lã	Tà Gầm, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	HB895KM	300.000			
232	Đinh Thị Trỡ	Tà Gầm, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	GĐ871CM	300.000			
233	Đinh văn trả	Tà Gầm, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	6H943B/CL	300.000			
234	Đinh Thị Và Rịch	Tà Gầm, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	1T228K/CL	300.000			

235	Đinh Thị Ngà	Tà Gài, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	6H8096	300.000			
236	Đinh Thị Ghêu	Tà Gài, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	GV789CM	300.000			
237	Đinh văn Trum	Tà Gài, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	GV772CM	300.000			
238	Đinh Thị Rồi	Tà Gài, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	GV656KM	300.000			
239	Đinh Thị Rấp	Làn Rút, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	GV654KM	300.000			
240	Đinh Văn Bo	Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	EL168KM	300.000			
241	Đinh Văn Rù	Làn Rút, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	H6TTGA	300.000			
242	Đinh Thị Ly	Làn Rút, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	860TTGA	300.000			
243	Đinh Thị D Rúp	Làn Rút, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	3E858CM/CL	300.000			
244	Đinh Văn Lô	Làn Rút, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	6H976B/CL	300.000			
245	Đinh văn Liết	Làn Rút, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	ĐY086KM	300.000			
246	Đinh Thị Phê	Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	ER859CM	300.000			
247	Đinh văn Trí	Làng Rê, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	3Q378K/CL	300.000			
248	Đinh văn Gời	Nước Lác, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	6I023/CL	300.000			
249	Đinh Thị Bôn	Nước Lác, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	876TTGA	300.000			
250	Đinh văn Bôm	Nước Lác, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	HB911CM	300.000			
251	Đinh văn Nhè	Nước Lác, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	826/TTGA	300.000			
252	Đinh Thị Nứ	Nước Lác, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	6H816B/CL	300.000			
253	Đinh Thị A Vu	Nước Lác, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	1T912C	300.000			
254	Đinh Văn Năm	Nước Lác, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	6H798B	300.000			
255	Đinh Thị phui	Nước Lác, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	GD360CM	300.000			
256	Đinh văn Gòa	Nước Lác, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	EL855CM	300.000			

257	Đinh Thị Nù	Nước Lác, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	1S853K/CL	300.000			
258	Đinh Văn Rôi	Làng Rê, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	1677TTGA	300.000			
259	Đinh xuân Đon	Làng Rê, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	GĐ232KM	300.000			
260	Đinh Thị Nhựa	Làng Rê, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	2Z413K/CL	300.000			
261	Đinh Thị Rô	Làng Rê, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	ĐU016KM	300.000			
262	Đinh Thị Mây	Làng Rê, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	6H886B/CL	300.000			
263	Đinh thị xôi	Làng Rê, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	EL198KM	300.000			
264	Đinh văn Thê	Tà Bắc, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	GO493KM	300.000			
265	Đinh văn Úa	Làng Trắng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	HB894KM	300.000			
266	Đinh Văn Hây	Làng Riêng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	1S855	300.000			
267	Đinh Thị Rêu	Làng Riêng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	1T-700c	300.000			
268	Đinh Văn Chinh	Làng Rút, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	7G-333b	300.000			
269	Đinh Thị Khanh	Mo Níc, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	1T-091k	300.000			
270	Mai Ngọc Bình	Làng Rút, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	7E-798b	300.000			
271	Đinh Thị Tập	Làng Rút, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	EL 172 KM	300.000			
272	Đinh Thị Phôi	Làng Trắng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	6/026/CL	300.000			
273	Đinh Thị Van	Làng Trắng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	6/023bm/CL	300.000			
274	Đinh Văn K Mênh	Mò O, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	4978	300.000			
275	Đinh Trấp	Làng Bung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	47651	300.000			
276	Chị LS: Đinh Văn Năng	Làng Già, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	3969	300.000			
277	Con LS: Đinh Văn Huyếch	Làng Ranh, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	57928	300.000			
278	Cháu LS: Đinh Hiếc	Di Hoăng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	20253c/kl	300.000			

279	Con LS: Đinh Văn Ngắc	Làng Già, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	4685	300.000			
280	Cháu LS: Đinh Văn Bo	Làng Bung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	4693	300.000			
281	Cháu LS: Đinh Du	Làng Già, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	767	300.000			
282	Cháu LS: Đinh Văn Ren	Làng Già, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	241	300.000			
283	Con LS: Đinh Văn Chiêu	Làng Ranh, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	290	300.000			
284	Cháu LS: Đinh Văn La	Làng Già, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	673	300.000			
285	Cháu LS: Đinh Nhít	Làng Ranh, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	895/TTg	300.000			
286	Cháu LS: Đinh Bùm	Làng Ranh, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	993/TTg	300.000			
287	Cháu LS: Đinh Văn Mai	Làng Ranh, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	3959	300.000			
288	Chị LS: Đinh Trúa	Làng Già, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	26458	300.000			
289	Cháu LS: Đinh Văn Phin	Làng Già, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	34339	300.000			
290	Con LS: Đinh Quê	Làng Ranh, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	708/TTg	300.000			
291	Con LS: Đinh Văn Tăm	Làng Ranh, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	909/TTg	300.000			
292	Cháu LS: Đinh Văn Nế	Làng Già, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	678	300.000			
293	Cháu LS: Đinh Văn Du	Di Hoảng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	5899	300.000			
294	Cháu dâu LS: Đinh Thao	Kà khu, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	43760	300.000			
295	Em LS: Đinh Văn Mẽ	Làng Ranh, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	3993	300.000			
296	Em LS: Đinh Lia	Kà khu, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	34255-NB/LS	300.000			
297	Vợ LS: Đinh Emg	Kà khu, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	56178	300.000			
298	Con LS: Đinh Văn Rều	Làng Ranh, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	687	300.000			
299	Cháu LS: Đinh Văn Trỗi	Làng Bung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	34515-NB/LS	300.000			
300	Con LS: Đinh Pa Ría	Làng Già, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	34512NB/LS	300.000			

301	Cháu nội sĩ Đinh Văn Hiếu	Làng Già, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	34512-NB/LS	300.000			
302	Chau LS: Đinh Văn Rều	Làng Già, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	26386-NB/LS	300.000			
303	Em LS: Đinh Văn Thông	Kà khu, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	57199- NBLs	300.000			
304	Con LS: Đinh Văn Ấ	Làng Già, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	4980-NB/LS	300.000			
305	Cháu LS: Đinh Phan	Làng Ranh, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	49421-NB/LS	300.000			
306	Con LS: Đinh Lang	Làng Bung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	34258-NB/LS	300.000			
307	Cháu LS: Đinh Cách	Làng Bung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	34521-NB/LS	300.000			
308	Em LS: Đinh Văn Ruôi	Làng Gì, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	4649	300.000			
309	Em LS: Đinh Văn Hó	Làng Gì, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	236	300.000			
310	Cháu LS: Đinh Rói	Làng Ranh, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	57436	300.000			
311	Con dâu LS: Đinh Thị Đền	Làng Ranh, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	289/TTg	300.000			
312	Cháu LS: Đinh Văn Lênh	Làng Ranh, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	4685	300.000			
313	Em LS: Đinh Thị Lan	Kà khu, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	771	300.000			
314	Em LS: Đinh Văn Nhem	Di Hoảng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	6/053	300.000			
315	Chị LS: Đinh Văn Đă	Di Hoảng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	4000	300.000			
316	Em LS: Đinh Mót	Di Hoảng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	26474NB/LS	300.000			
317	Em LS: Đinh Văn Huyền	Làng Ranh, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	26478-NB/LS	300.000			
318	Em LS: Đinh Thương	Làng Già, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	49401-NB/LS	300.000			
319	Con liệt sĩ: Đinh Văn Ân	Kà Khu, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	3998NB/LS	300.000			
320	Em LS: Đinh Văn Ruột	Làng Bung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	6252NB/LS	300.000			
321	Em LS: Đinh Văn Nhất	Làng Già, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	4002	300.000			
322	Cháu LS: Đinh Ba	Làng Già, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	42655	300.000			

323	Cháu LS: Đinh Lợi	Làng Ranh, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	57584	300.000			
324	Con LS: Đinh Văn Xang	Làng Ranh, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	57487	300.000			
325	Em LS: Đinh Văn Linh	Làng Già, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	647	300.000			
326	Cháu LS: Đinh Ma Ớt	Di Hoăng, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	6246	300.000			
327	Cháu liệt sĩ: Đinh Văn Viết	Làng Bung, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	3996	300.000			
328	Cháu liệt sĩ: Đinh Triện	Làng Ranh, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	eH980/cl	300.000			
329	Cháu liệt sĩ: Đinh Lý	Làng Ranh, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	6H897b	300.000			
330	Em LS: Đinh Đôi	Làng Già, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	34516-NB/LS	300.000			
331	Nguyễn Đức Thắng (Cháu LS)	Làng Rut, Sơn Kỳ	Thờ cúng liệt sĩ	2A-264K	300.000			
	Tổng cộng: 331				99.600.000			

Em LS: Đinh Văn Tam

ky

Ky

Đinh Văn Chút	Thân nhân
Đinh Thị Rê	
Đinh Văn Thảo	
Đinh Văn Ủi	
Đinh Văn Tuệ	

Đinh Văn Lo	
Đinh Văn Cu	
Đinh Thị An	
Đinh Thị Hà Va	
Đinh Văn Mùa	
Đinh Thị Tiếp	
Đinh Văn Trai	
Đinh Hồng THê	
Đinh Văn Ớm	
Đinh Thị Ron	
Đinh Thị Phum	
Đinh Văn Cường	
Đinh Thị Lặc	
Đinh Văn Tô	
Đinh Thị Thoi	
Đinh Thị Đắt	
Đinh Thị Mũi	
Đinh Thị Lơ	
Đinh Thị Góp	
Đinh Văn Dách	
Đinh Văn Rừng	
Đinh Thị Liên	

Đinh Thị Rân	
Đinh Thị Nga	
Đinh Văn A	
Đinh Thị Nía	
Đinh Ba Riu	
Đinh Vaãn Úa	
Đinh Văn Nen	
Đinh Thị Ron	
Đinh Thị Phính	
Đinh Thị Rêu	
Đinh Văn Thủy	
Đinh Thị Huyền	
Đinh Thị Lễ	
Đinh Văn Đíp	
Đinh Thị Rênh	
Đinh Thị Hoác	
Đinh Văn Huê	
Đinh Thị Dinh	
Đinh Thị Khế	
Đinh Văn Lụa	
Đinh Thị Ua	
Đinh Văn Thế	

Đinh Thị Hê
Đinh Văn Lếp
Đinh Văn Tròn
Đinh Thị Bé
Đinh Quang Lã
Đinh Thị Pa Leng
Đinh Văn Phú
Đinh Thị Trim

TT	LOẠI ĐỐI TƯỢNG	SỐ NGƯỜI
I	Mức quà 600.000 đồng	1
1	Bà mẹ Việt Nam anh hùng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	
2	Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ	1
3	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng	
4	Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tuất nuôi dưỡng hàng tháng	
5	Thân nhân của hai liệt sĩ trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng	
II	Mức quà 300.000 đồng để tặng các đối tượng:	330
1	Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 80% trở xuống đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng.	171
2	Thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động.	
3	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 80% trở xuống đang hưởng trợ cấp ưu	6
6	Đại diện thân nhân liệt sĩ	1
7	Người thờ cúng liệt sĩ (trường hợp liệt sĩ không còn thân nhân)	152

	Cộng	331
--	-------------	------------

SỐ TIỀN
600.000
600.000
0
99.000.000

99.600.000
